

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 3 - 2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình

- Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thái Quân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 457/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp “*Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Phú B, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Phú B, xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Chị D và anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 03/11/2020 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Hôn nhân của chị và anh T qua tìm hiểu, được sự đồng ý của cha mẹ có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 28/02/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bên gia đình chị D, thời gian đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, cờ bạc gây nợ, nhiều lần chị D đứng ra trả nợ thay, chị đã khuyên ngăn nhưng không được, anh T bỏ đi, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay,

không ai quan T đến cuộc sống của nhau. Tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Lê Thanh V sinh ngày 14/12/2007 và Lê Thảo V sinh ngày 22/12/2012, hiện do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị D và anh T được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị D xin ly hôn và nuôi con chung là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề xuất nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: anh Lê Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú B xã Phú A, huyện Phú T, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2008 trên cơ sở tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019 đến nay, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng trong thời gian dài sau khi ly thân mà anh, chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này phù hợp với lời trình bày của người làm chứng; do đó, chị D yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên Lê Thanh V sinh ngày 14/12/2007 và Lê Thảo Vân sinh ngày 22/12/2012, hiện do chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Xét, 02 cháu Lê Thanh Vân và Lê Thảo Vân đã trên 07 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ và từ khi ly thân đến nay do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên giao 02 cháu cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị D phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, chị D không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị D và anh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 28/02/2008 của Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho chị Nguyễn Thị D và anh Lê Văn T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thanh V sinh ngày 14/12/2007 và Lê Thảo V sinh ngày 22/12/2012 cho đến thành niên hoặc tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001689 ngày 11/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Anh Lê Văn T không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao Bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú An, huyện Phú Tân tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyền